

NGÂN HÀNG TMCP
KIÊN LONG

Số: 605/NHKL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Rạch Giá, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội,**

Công ty: Ngân hàng TMCP Kiên Long

Trụ sở chính: Số 40-42-44 Đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: (0773) 869950

Fax: (0773) 877538

Người thực hiện công bố thông tin: **TRẦN TUẤN ANH**

Địa chỉ: D35 KDC Nam Long, phường Phú Thuận, quận 07, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: Di động 0908 38 1988; Cơ quan: (002973) 869950

Fax: (02973) 877538

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 Ngân hàng TMCP Kiên Long (Đính kèm Báo cáo).

2. Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 Ngân hàng TMCP Kiên Long (Đính kèm Báo cáo).

3. Công bố thông tin Công văn số 599/NHKL ngày 14/8/2020 về việc giải trình biến động lợi nhuận sau thuế riêng lẻ lũy kế 6 tháng năm 2020 sau kiểm toán (Đính kèm Công văn).

4. Công bố thông tin Công văn số 598/NHKL ngày 14/8/2020 về việc giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất lũy kế 6 tháng năm 2020 sau kiểm toán (Đính kèm Công văn).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Kiên Long vào ngày 14/8/2020 tại đường dẫn <https://kienlongbank.com/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *bc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P. HCQT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Anh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	6 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27 tháng 9 năm 2018.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : +84 (029) 7386 9950
- Fax : +84 (029) 7387 1171

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: Huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Chủ tịch
Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Trần Duy Huyền	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Trọng	Thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương	Thành viên
Bà Trần Tuấn Anh	Thành viên
Ông Lê Trung Việt	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Cao Cường	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Minh	Thành viên
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đức Càn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Tuấn Anh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.1238/20/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến các thuyết minh số V.5, V.6 và V.12 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ về việc trích lập dự phòng các khoản cho vay và lãi dự thu liên quan đến một nhóm khách hàng với tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác được thực hiện theo Quyết định 2595/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 12 năm 2019 và các công văn khác có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: triệu VND

A - TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	859.016	694.761
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.2	2.277.200	2.998.548
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD		12.217.020	9.877.201
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3	12.217.020	9.877.201
2. Cho vay các TCTD khác		-	-
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.4	7.776	853
VI. Cho vay khách hàng		33.771.875	33.183.657
1. Cho vay khách hàng	V.5	34.146.438	33.479.645
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.6	(374.563)	(295.988)
VII. Hoạt động mua nợ		-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.7	2.650.781	830.764
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.7	2.650.781	830.764
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		-	-
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.8	514.521	514.521
1. Đầu tư vào công ty con	V.8	500.000	500.000
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	V.8	14.521	14.521
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
X. Tài sản cố định		1.472.921	1.502.737
1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	759.105	784.338
a. Nguyên giá tài sản cố định		1.059.432	1.055.697
b. Hao mòn tài sản cố định		(300.327)	(271.359)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	713.816	718.399
a. Nguyên giá tài sản cố định		784.019	784.019
b. Hao mòn tài sản cố định		(70.203)	(65.620)
XI. Bất động sản đầu tư		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản có khác		1.815.836	1.707.613
1. Các khoản phải thu	V.11	198.892	144.982
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.12	1.306.616	1.270.241
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
4. Tài sản có khác	V.13	314.453	296.515
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(4.125)	(4.125)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		55.586.946	51.310.655

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.14	12.902.774	12.280.937
1. Tiền gửi của các TCTD khác	V.14	12.662.168	11.392.828
2. Vay các TCTD khác	V.14	240.606	888.109
III. Tiền gửi của khách hàng	V.15	36.595.806	33.172.257
IV. Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-	-
VI. Phát hành giấy tờ có giá		1.200.000	1.200.000
VII. Các khoản nợ khác		1.080.761	892.642
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.16	839.157	688.301
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.17	241.604	204.341
4. Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
Tổng nợ phải trả		51.779.341	47.545.836
VIII. Vốn và các quỹ	V.18	3.807.605	3.764.819
1. Vốn của TCTD		3.202.758	3.202.758
a. Vốn điều lệ	V.18	3.236.958	3.236.958
b. Vốn đầu tư XDCB		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ	V.18	(34.200)	(34.200)
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD	V.18, 19	254.725	246.372
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.18	350.122	315.689
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		55.586.946	51.310.655

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		-	-
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		-	-
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		-	-
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		-	-
<i>Cam kết giao dịch tương lai</i>		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	6.190	5.529
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	207.970	128.232
6. Các cam kết khác		-	-

Rạch Giá, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập

Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát

Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	1.984.960	1.820.233
	2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	1.438.537	1.241.878
	I. Thu nhập lãi thuần		546.423	578.355
	3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	25.463	18.757
	4. Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	7.813	7.982
	II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	17.650	10.775
	III. Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	VI.4	18.854	16.393
	IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
	V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.5	37.980	6.822
	5. Thu nhập từ hoạt động khác	VI.6	17.047	16.974
	6. Chi phí từ hoạt động khác	VI.6	2.942	3.156
	VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.6	14.105	13.818
	VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.7	891	835
	VIII. Chi phí hoạt động	VI.8	503.404	461.024
	IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		132.499	165.974
	X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	V.6	79.000	24.479
	XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		53.499	141.495
	7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	10.713	28.288
	8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
	XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		10.713	28.288
	XIII. Lợi nhuận sau thuế		42.786	113.207
	XIV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9		

Người lập


Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát


Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Rạch Giá, ngày 14 tháng 8 năm 2020



Người phê duyệt


Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.948.585	1.834.521
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.287.681)	(1.156.098)
03.	Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được	VI.3	17.650	10.775
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		56.834	23.215
05.	Thu nhập khác		(530)	8.731
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	VI.6	12.350	5.087
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(438.472)	(408.131)
08.	Tiền thuế thực nộp trong kỳ	VIII.2	(55)	(20.301)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động		308.681	297.799
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09.	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10.	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.820.017)	86.374
11.	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(6.923)	(6.695)
12.	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(666.793)	(1.565.418)
13.	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	V.6	(425)	(2.291)
14.	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(63.902)	(22.427)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15.	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	(255.545)
16.	Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD		621.837	3.576.879
17.	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		3.423.549	1.513.754
18.	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)		-	300.000
19.	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
20.	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21.	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(4.573)	(16.067)
22.	Chi từ các quỹ của TCTD		-	(15.129)
	I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.791.434	3.891.234

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01.	Mua sắm tài sản cố định		(11.884)	(27.132)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	VI.6	2.285	-
03.	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
04.	Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05.	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06.	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
09.	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài	VI.7	891	835
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư			(8.708)	(26.297)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
01.	Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02.	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
03.	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
04.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05.	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06.	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			1.782.726	3.864.937
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm			13.570.510	7.771.981
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá			-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ			15.353.236	11.636.918

Rạch Giá, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Thị Duyên
Kế toán viên

Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995.
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Năm 2006, Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long và được chuyển đổi mô hình hoạt động từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 27 tháng 9 năm 2018.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2020 là 3.236.958 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.236.958 triệu VND).

4. Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, ba mươi mốt (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc.

5. Công ty con và công ty liên kết

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại tầng 6, số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ngân hàng có 3.044 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.997 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngân hàng áp dụng Hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017. Việc lập Báo cáo tài chính riêng được áp dụng theo Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngân hàng cũng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

3. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp trực tiếp.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG

1. Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó (“tỷ giá giao ngay”) tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vào cuối kỳ kế toán năm.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

3. Cho vay khách hàng và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tiền vay được ghi nhận khi Ngân hàng và khách hàng ký kết hợp đồng vay, khế ước nhận nợ và Ngân hàng giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư, chiết khấu chứng từ có giá....

Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Ngân hàng còn cho vay tín chấp.

Nguyên tắc phân loại nợ vay và đánh giá rủi ro tín dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 (Thông tư số 02/2013/TT-NHNN) và Điều 01 Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 (Thông tư số 09/2014/TT-NHNN) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành về việc cơ cấu lại thời hạn nợ, cho vay mới; hồ sơ, trình tự thủ tục khoanh nợ, xóa nợ; tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của khoản cho vay nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (Thông tư số 10/2015/TT-NHNN) và Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24 tháng 10 năm 2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN (Thông tư số 25/2018/TT-NHNN), Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cơ sở trích lập dự phòng rủi ro tín dụng căn cứ vào các khoản nợ vay đã được phân loại. Việc tính toán dự phòng căn cứ vào quy định tại Điều 12 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN. Tỷ lệ trích lập cụ thể như sau:

• Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	:	0%
• Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	:	5%
• Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	:	20%
• Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	:	50%
• Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	:	100%

Mức dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn tại ngày làm việc cuối cùng của quý trước hoặc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11 đối với quý cuối cùng của kỳ kế toán năm.

Việc xóa sổ các khoản nợ vay không có khả năng thu hồi căn cứ vào các quy định của 2 thông tư nêu trên.

Các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.

Khi Ngân hàng đánh giá khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết thì phân loại các cam kết vào nhóm 2.

Trường hợp Ngân hàng thực hiện các nghĩa vụ thay cho người được bảo lãnh, thì Ngân hàng phân loại vào nhóm 3 đến nhóm 5 và trích lập dự phòng cụ thể theo quy định.

4. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận chứng khoán đầu tư

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Ngân hàng chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch và chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Ngân hàng so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng chứng khoán đầu tư cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn trừ khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Ngân hàng khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận tại ngày khớp lệnh bán đối với chứng khoán niêm yết hoặc Ngân hàng đã chính thức chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng.

Ngân hàng hạch toán kế toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn tại Công văn số 8499/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT ngày 19 tháng 02 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Đối với mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàng ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Ngân hàng ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN. Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt có kỳ hạn 5 năm và 10% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt có kỳ hạn 10 năm trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan trong năm. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Ngân hàng trích lập một lần số dự phòng cụ thể nói trên cho mỗi trái phiếu và không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các trái phiếu đặc biệt này. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

5. Góp vốn, đầu tư dài hạn

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị được đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Ngân hàng tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

15-C.
TY
IUU HA
TU V
C
ĐC/1

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và Ngân hàng không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau đó, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Ngân hàng tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận chuyển	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	05 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Ngân hàng bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Ngân hàng đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 - 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 10 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần-lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Các tài sản có khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và nâng cấp phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu chờ xử lý là những tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng.

Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

Các tài sản Có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoạt động.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả gồm tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

12. Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh được thực hiện đã ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

13. Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Ngân hàng phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các TCTD, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	<u>Trích lập hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Ngân hàng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Ngân hàng. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Ngân hàng.

14. Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ

Tại từng thời điểm, Ngân hàng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

15. Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi Ngân hàng thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong kỳ không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi Ngân hàng thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,... là số lãi phải thu trong kỳ.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

16. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác. Thu nhập phí từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp dồn tích. Thu nhập nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thu được.

17. Thu nhập cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Ngân hàng được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

9815-0
TY
HỮU M
A TUV
C
HỒ CH

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Ngân hàng gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Ngân hàng có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Ngân hàng có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm: tiền gửi và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, các khoản phải trả khác.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Ngân hàng sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi và chỉ khi Ngân hàng:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng.

23. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mỗi quan hệ đó.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	663.151	579.772
Tiền mặt bằng ngoại tệ	195.865	114.989
Cộng	859.016	694.761

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND	2.259.047	2.981.578
Tiền gửi bằng ngoại tệ	18.153	16.970
Cộng	2.277.200	2.998.548

Phản ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với tỷ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

3. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	3.300.060	3.077.208
<i>Bằng VND</i>	2.953.087	2.942.184
<i>Bằng ngoại tệ</i>	346.973	135.024
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	8.916.960	6.799.993
<i>Bằng VND</i>	4.299.165	3.103.581
<i>Bằng ngoại tệ</i>	4.617.795	3.696.412
Cộng	12.217.020	9.877.201

4. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	Tổng giá trị hợp đồng (theo tỷ giá hối đoái tại ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ (theo tỷ giá hối đoái tại ngày cuối kỳ)
Số cuối kỳ		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch kỳ hạn tiền tệ)	1.771.356	7.776
Cộng	1.771.356	7.776
Số đầu năm		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch kỳ hạn tiền tệ)	649.753	853
Cộng	649.753	853

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

5. Cho vay khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	34.121.500	33.437.644
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	24.938	42.001
Cộng	<u>34.146.438</u>	<u>33.479.645</u>

Phân tích chất lượng nợ vay

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ đủ tiêu chuẩn ⁽ⁱ⁾	31.716.859	32.988.647
Nợ cần chú ý	180.011	149.042
Nợ dưới tiêu chuẩn	40.944	37.763
Nợ nghi ngờ	62.980	65.241
Nợ có khả năng mất vốn ⁽ⁱⁱ⁾	2.145.644	238.952
Cộng	<u>34.146.438</u>	<u>33.479.645</u>

(i) Trong số dư nợ đủ tiêu chuẩn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm 112.589 triệu VND (số đầu năm là 132.247 triệu VND) dư nợ cho vay các khách hàng với mục đích phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như trước khi cơ cấu một lần theo quy định của Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

(ii) Trong số dư nợ có khả năng mất vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 1.895.714 triệu VND dư nợ các khoản cho vay đối với một nhóm khách hàng với tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác. Ngân hàng đã phân loại nợ các khoản vay này là nợ Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn theo Quyết định số 2595/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 12 năm 2019 và các công văn khác có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Phân tích dư nợ theo thời gian

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ ngắn hạn	20.192.474	19.476.752
Nợ trung hạn	5.299.383	5.058.137
Nợ dài hạn	8.654.581	8.944.756
Cộng	<u>34.146.438</u>	<u>33.479.645</u>

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hộ kinh doanh và cá nhân	24.842.801	25.050.608
Công ty trách nhiệm hữu hạn	4.979.132	4.211.736
Công ty cổ phần	4.093.830	4.195.134
Doanh nghiệp tư nhân	230.675	22.167
Cộng	<u>34.146.438</u>	<u>33.479.645</u>

00449
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN V
A &
H-T.F

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	8.668.533	9.123.291
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7.200.091	7.136.529
Hoạt động dịch vụ khác	8.194.701	7.134.874
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.650.730	3.579.345
Hoạt động đầu tư	2.266.504	2.140.963
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	2.226.268	2.263.510
Xây dựng	589.536	854.898
Vận tải kho bãi	646.310	531.321
Công nghiệp chế biến, chế tạo	359.684	369.285
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	320.918	308.120
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	414	474
Thông tin và truyền thông	8.862	21.758
Giáo dục và đào tạo	11.337	11.525
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1.010	2.295
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	956	843
Khai khoáng	500	500
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	84	114
Cộng	<u>34.146.438</u>	<u>33.479.645</u>

6. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng**Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng**

	<u>Dự phòng chung</u>	<u>Dự phòng cụ thể</u>
Kỳ này		
Số đầu năm	(242.044)	(53.944)
Dự phòng rủi ro (trích lập)/hoàn nhập trong kỳ	4.411	(83.411)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	425
Số cuối kỳ	<u>(237.633)</u>	<u>(136.930)</u>
Kỳ trước		
Số đầu năm trước	(206.043)	(49.179)
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ trước	(16.598)	(5.001)
Sử dụng dự phòng trong kỳ trước	-	424
Số cuối kỳ trước	<u>(222.641)</u>	<u>(53.756)</u>

Chi tiết số dư dự phòng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:		
Dự phòng chung	(237.633)	(242.044)
Dự phòng cụ thể ⁽¹⁾	(136.930)	(53.944)
Cộng	<u>(374.563)</u>	<u>(295.988)</u>

⁽¹⁾ Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm một phần chi phí dự phòng rủi ro cụ thể của các khoản cho vay đối với một nhóm khách hàng với tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác (xem thuyết minh số V.5).

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)</i>	2.650.781	830.764
<i>Chứng khoán nợ</i>		
<i>Trái phiếu Chính phủ ⁽ⁱ⁾</i>	2.650.781	830.764
<i>Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành</i>	-	-
<i>Mệnh giá trái phiếu đặc biệt ⁽ⁱⁱ⁾</i>	-	-
<i>Dự phòng trái phiếu đặc biệt ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	-	-
Cộng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.650.781	830.764

(i) Trong trái phiếu Chính phủ có các loại trái phiếu với tổng mệnh giá 200.000 triệu VND (số đầu năm là 200.000 triệu VND) được Ngân hàng cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các TCTD để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, đảm bảo cho các khoản tiền gửi của các TCTD khác (xem thuyết minh số IX.5).

(ii) Đây là trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành nhằm mua lại các khoản nợ xấu của Ngân hàng.

(iii) Biến động dự phòng trái phiếu đặc biệt như sau:

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Số dư đầu năm	-	(93.463)
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	(2.880)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	1.867
Số dư cuối kỳ	-	(94.476)

8. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	500.000	500.000
<i>Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long ⁽ⁱ⁾</i>	500.000	500.000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	14.521	14.521
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát ⁽ⁱⁱ⁾</i>	5.250	5.250
<i>Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	9.271	9.271
Cộng	514.521	514.521

(i) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Ngân hàng TMCP Kiên Long đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 500.000.000.000 VND.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800475847 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 8 năm 2002 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 06 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Ngân hàng TMCP Kiên Long đã góp 2,08% vốn điều lệ.

(iii) Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700547079 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2007 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 16 tháng 02 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Ngân hàng TMCP Kiên Long đã góp 6,96% vốn điều lệ.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyên	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	724.025	72.238	118.528	116.574	24.332	1.055.697
Mua trong kỳ	42	502	-	-	-	544
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.194	200	-	-	-	3.394
Thanh lý, nhượng bán	(40)	(44)	(119)	-	-	(203)
Số cuối kỳ	727.221	72.896	118.409	116.574	24.332	1.059.432
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.268	8.986	20.930	21.855	7.230	63.269
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	104.515	25.399	65.576	63.587	12.282	271.359
Khấu hao trong kỳ	14.317	2.965	4.924	6.304	661	29.171
Thanh lý, nhượng bán	(40)	(44)	(119)	-	-	(203)
Số cuối kỳ	118.792	28.320	70.381	69.891	12.943	300.327
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	619.510	46.839	52.952	52.987	12.050	784.338
Số cuối kỳ	608.429	44.576	48.028	46.683	11.389	759.105
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	684.987	89.373	9.659	784.019
Số cuối kỳ	684.987	89.373	9.659	784.019
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	42.647	3.531	46.178
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	5.180	54.772	5.668	65.620
Khấu hao trong kỳ	916	3.099	568	4.583
Số cuối kỳ	6.096	57.871	6.236	70.203
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	679.807	34.601	3.991	718.399
Số cuối kỳ	678.891	31.502	3.423	713.816
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản phải thu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ⁽ⁱ⁾	14.046	18.585
Khoản phải thu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	3.822	3.822
Ký quỹ thuê văn phòng và tạm ứng hợp đồng	11.230	11.100
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	57.566	10.690
Khoản phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng và Banknetvn	52.858	49.798
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	8.586	8.575
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	8.781
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	1.140	-
Phải thu khác	49.644	33.631
Cộng	<u>198.892</u>	<u>144.982</u>

(i) Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cửa	5.042	15.288
Phần mềm máy vi tính	4.711	3.297
Máy móc thiết bị	1.647	-
Phương tiện vận tải	2.646	-
Cộng	<u>14.046</u>	<u>18.585</u>

12. Các khoản lãi, phí phải thu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phải thu từ tiền gửi	7.801	13.949
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	46.967	28.677
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng ⁽ⁱ⁾	1.251.254	1.227.492
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	594	123
Cộng	<u>1.306.616</u>	<u>1.270.241</u>

(i) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm lãi dự thu phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan đến các khoản cho vay đối với một nhóm khách hàng với tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác (xem thuyết minh số V.5). Khoản lãi này được phân bổ vào chi phí trong thời hạn tối đa 10 năm theo Quyết định số 2595/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 12 năm 2019 và các công văn khác có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Tài sản có khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí chờ phân bổ	199.674	172.591
Công cụ và dụng cụ	3.801	3.865
Chi hộ các TCTD khác	1.541	1.014
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	36.488	35.062
Tài sản có khác	72.949	83.983
Cộng	<u>314.453</u>	<u>296.515</u>

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

14. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>12.662.168</i>	<i>11.392.828</i>
Tiền gửi không kỳ hạn	2.942.709	2.918.716
<i>Bằng VND</i>	<i>2.942.709</i>	<i>2.918.716</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	9.719.459	8.474.112
<i>Bằng VND ⁽ⁱ⁾</i>	<i>6.517.169</i>	<i>5.368.662</i>
<i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>3.202.290</i>	<i>3.105.450</i>
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>240.606</i>	<i>888.109</i>
Vay các TCTD khác bằng VND	239.664	560.526
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	942	941
Vay chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác	-	326.642
Cộng	<u>12.902.774</u>	<u>12.280.937</u>

- (i) Bao gồm trong các số dư này là 50.000 triệu VND tiền gửi của các TCTD khác được bảo đảm bằng chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có mệnh giá 200.000 triệu VND (xem thuyết minh số V.7) (số đầu năm là 190.000 triệu VND tiền gửi của các TCTD khác được bảo đảm bằng chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có mệnh giá 200.000 triệu VND).

15. Tiền gửi của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi không kỳ hạn	1.237.790	1.531.598
<i>Bằng VND</i>	<i>1.206.807</i>	<i>1.508.424</i>
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	<i>30.983</i>	<i>23.174</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	2.156.551	2.268.858
<i>Bằng VND</i>	<i>2.156.551</i>	<i>2.268.858</i>
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	54.795	30.588
<i>Bằng VND</i>	<i>10.027</i>	<i>10.190</i>
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	<i>44.768</i>	<i>20.398</i>
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	33.138.399	29.325.786
<i>Bằng VND</i>	<i>32.926.868</i>	<i>29.128.027</i>
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	<i>211.531</i>	<i>197.759</i>
Tiền ký quỹ	8.271	15.427
<i>Bằng VND</i>	<i>7.848</i>	<i>15.426</i>
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	<i>423</i>	<i>1</i>
Cộng	<u>36.595.806</u>	<u>33.172.257</u>

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tiền gửi của tổ chức kinh tế</i>	<i>2.688.615</i>	<i>3.042.266</i>
Công ty cổ phần	948.155	1.498.971
Công ty trách nhiệm hữu hạn	702.607	681.362
Doanh nghiệp tư nhân	784	1.854
Các đơn vị khác	1.037.069	860.079
<i>Tiền gửi của cá nhân</i>	<i>33.907.191</i>	<i>30.129.991</i>
Cộng	<u>36.595.806</u>	<u>33.172.257</u>

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

16. Các khoản lãi, phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phải trả cho tiền gửi	815.088	668.535
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	22.765	16.045
Lãi phải trả cho tiền vay	1.254	3.572
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	50	149
Cộng	<u>839.157</u>	<u>688.301</u>

17. Các khoản phải trả và công nợ khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (xem thuyết minh số VIII.2)	4.574	3.106
Phải trả cho cán bộ, công nhân viên	31.189	11
Các khoản chờ thanh toán khác	162.587	163.558
Quỹ khen thưởng và phúc lợi ⁽ⁱ⁾	10.669	10.709
Chuyển tiền phải trả	3.671	2.878
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	15.586	14.594
Phải trả khác	13.328	9.485
Cộng	<u>241.604</u>	<u>204.341</u>

(i) Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	<u>6 tháng đầu năm nay</u>	<u>6 tháng đầu năm trước</u>
Số đầu năm	10.709	872
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	24.966
Chi quỹ	(40)	(15.129)
Số cuối kỳ	<u>10.669</u>	<u>10.709</u>

18. Vốn và quỹ của Ngân hàng

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Các quỹ của TCTD</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	3.236.958	(34.200)	220.048	264.354	3.687.160
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	113.207	113.207
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	26.324	(26.324)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(24.966)	(24.966)
Số cuối kỳ trước	<u>3.236.958</u>	<u>(34.200)</u>	<u>246.372</u>	<u>326.271</u>	<u>3.775.401</u>
Số dư đầu năm nay	3.236.958	(34.200)	246.372	315.689	3.764.819
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	42.786	42.786
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	8.353	(8.353)	-
Số dư cuối kỳ này	<u>3.236.958</u>	<u>(34.200)</u>	<u>254.725</u>	<u>350.122</u>	<u>3.807.605</u>

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	323.695.796	323.695.796
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	323.695.796	323.695.796
- Cổ phiếu phổ thông	323.695.796	323.695.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	319.895.796	319.895.796
- Cổ phiếu phổ thông	319.895.796	319.895.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các quỹ của Ngân hàng

	<u>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Quỹ khác</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	11.041	209.004	3	220.048
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong kỳ trước	8.775	17.549	-	26.324
Số dư cuối kỳ trước	19.816	226.553	3	246.372
Số dư đầu năm nay	19.816	226.553	3	246.372
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong kỳ này	2.784	5.569	-	8.353
Số dư cuối kỳ này	22.600	232.122	3	254.725

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Thu-nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu lãi tiền gửi	77.609	86.107
Thu lãi cho vay	1.877.885	1.705.031
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	21.248	25.104
Thu lãi từ bảo lãnh	1.162	1.142
Thu khác từ hoạt động tín dụng	7.056	2.849
Cộng	1.984.960	1.820.233

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả lãi tiền gửi	1.304.814	1.129.805
Trả lãi tiền vay	13.210	12.878
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	47.872	11.684
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	72.641	87.511
Cộng	1.438.537	1.241.878

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25.463	18.757
Thu từ dịch vụ thanh toán	15.295	13.204
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	462	568
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	9.638	4.925
Thu khác	68	60
Chi phí hoạt động dịch vụ	7.813	7.982
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	5.096	4.516
Chi về ngân quỹ	2.717	3.466
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	17.650	10.775

4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu về hoạt động kinh doanh ngoại hối	111.583	30.539
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	79.269	28.718
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	32.314	1.821
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	92.729	14.146
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	11.474	3.622
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	81.255	10.524
Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	18.854	16.393

5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	37.980	6.822
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	-
Cộng	37.980	6.822

6. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động khác	17.047	16.974
Thu từ bán tài sản gán nợ	2.285	6.916
Thu hồi các khoản nợ đã xóa	12.350	5.087
Thu từ các khoản nợ đã bán cho VAMC	-	1.126
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	2.412	3.845
Chi phí hoạt động khác	2.942	3.156
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	1.825	1.167
Chi phí khác	1.117	1.989
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	14.105	13.818

7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần Cổ tức nhận được từ đầu tư dài hạn khác.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí hoạt động

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	8.869	9.852
Chi phí cho nhân viên	286.631	253.207
<i>Trong đó:</i>		
Chi lương và phụ cấp	250.599	220.799
Các khoản chi đóng góp theo lương	21.707	19.503
Chi phí khác cho nhân viên	14.325	12.905
Chi về tài sản	99.405	101.357
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.754	32.692
Chi phí thuê tài sản	28.664	27.870
Chi sửa chữa, bảo trì	27.936	30.104
Chi mua sắm công cụ lao động	8.815	10.389
Chi phí khác	236	302
Chi phí hoạt động quản lý và công vụ	86.108	76.904
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mại và vật liệu văn phòng	20.919	18.482
Công tác phí	1.440	1.384
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu	15.063	15.428
Chi phí thông tin liên lạc, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	14.874	13.388
Chi phí đào tạo	194	976
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	29.401	24.042
Chi phí khác	4.217	3.204
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	22.391	19.704
Cộng	503.404	461.024

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	30/06/2019
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	859.016	697.867
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.277.200	2.128.951
Tiền gửi thanh toán, tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn trong vòng 3 tháng	3.300.060	2.925.100
Tiền gửi các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	8.916.960	5.885.000
Cộng	15.353.236	11.636.918

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Tình hình thu nhập của nhân viên

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Số lượng nhân viên bình quân (người)	3.027	2.832
<i>Thu nhập của nhân viên</i>		
Tổng quỹ lương	231.449	220.799
Tiền thưởng	19.150	15.129
Tổng thu nhập	250.599	235.928
<i>Tiền lương bình quân/tháng</i>	<i>13</i>	<i>13</i>
<i>Thu nhập bình quân/tháng</i>	<i>14</i>	<i>14</i>

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	872	-	2.826	(2.661)	1.037	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.781	10.713	(55)	1.877	-
Các loại thuế khác	2.234	-	7.339	(7.913)	1.660	-
Cộng	3.106	8.781	20.878	(10.629)	4.574	-

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng, bảo lãnh và thanh toán là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	53.499	141.495
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	959	780
Tổng thu nhập chịu thuế	54.458	142.275
Thu nhập miễn thuế	(891)	(835)
Thu nhập tính thuế	53.567	141.440
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.713	28.288

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Ngân hàng được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các khoản thuế, lệ phí khác

Ngân hàng nộp theo các quy định hiện hành.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bất động sản	56.226.000	53.123.916
Máy móc và thiết bị	505.440	526.801
Phương tiện vận tải	1.468.588	1.471.435
Cổ phiếu phát hành bởi TCTD khác	1.928.262	1.802.701
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế khác	2.507.675	2.401.220
Sổ tiết kiệm	3.091.572	3.471.140
Hàng tồn kho	-	1.944
Tài sản khác	609.312	793.818
Cộng	66.336.849	63.592.975

4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cam kết trong nghiệp vụ L/C</i>	6.190	5.529
Giá trị theo hợp đồng	6.554	8.186
Trừ: Tiền ký quỹ	(364)	(2.657)
<i>Bảo lãnh khác</i>	207.970	128.232
Giá trị theo hợp đồng	215.877	141.002
Trừ: Tiền ký quỹ	(7.907)	(12.770)

5. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Ngân hàng bao gồm: công ty con, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong kỳ này là 7.985 triệu VND (cùng kỳ năm trước là 7.380 triệu VND).

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Ngân hàng với các bên liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty con</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	3.681	6.965
Chi phí thuê văn phòng	4.882	5.443
Chi phí thẩm định tài sản	1.511	2.008
Chi phí khác	406	388
<i>Thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Nhận tiền gửi	38.937	21.668
Chi phí lãi tiền gửi	2	10
Thù lao	3.301	2.622
<i>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Nhận tiền gửi	7.296	19.786
Chi phí lãi tiền gửi	126	25
Tiền lương và thưởng	3.808	3.420
<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>		
Nhận tiền gửi	6.443	6.415
Chi phí lãi tiền gửi	26	4
Thù lao	876	756

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Hội đồng quản trị		
Nhận tiền gửi	62.146	78.601
Chi phí lãi tiền gửi	99	119
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Ban Tổng Giám đốc		
Nhận tiền gửi	12.099	13.743
Chi phí lãi tiền gửi	547	542
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Ban kiểm soát		
Nhận tiền gửi	257	984
Chi phí lãi tiền gửi	13	57
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con		
Đặt cọc thuê văn phòng	2.050	2.050
Cộng nợ phải thu	2.050	2.050
Công ty con		
Tiền gửi từ công ty con	246.207	251.485
Lãi phải trả	976	337
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	251	675
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	403	3.877
Lãi phải trả	49	49
Thành viên Ban kiểm soát		
Tiền gửi	78	838
Lãi phải trả	153	22
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	1.952	6.602
Lãi phải trả	43	42
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	1.938	12.872
Lãi phải trả	430	460
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Ban kiểm soát		
Tiền gửi	668	1.200
Lãi phải trả	66	25
Cộng nợ phải trả	253.214	278.484



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ tiền gửi cho vay	Tổng tiền gửi và tiền vay	Phát hành giấy tờ có giá	Các cam kết tín dụng	Chứng khoán đầu tur	Công cụ tài chính phái sinh
Số cuối kỳ						
Trong nước	48.640.658	49.498.580	1.200.000	222.431	2.650.781	1.771.356
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm	46.355.394	45.201.709	1.200.000	149.188	830.764	649.753
Trong nước	46.355.394	45.453.194	1.200.000	149.188	830.764	649.753
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-

IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Tổng quan

Hoạt động của Ngân hàng phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Ngân hàng, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi các phòng, ban, trung tâm có liên quan theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng thực hiện công tác quản lý rủi ro hàng ngày tại Ngân hàng dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, trung tâm khai thác, Phòng Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Ngân hàng.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Ngân hàng không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Ngân hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Ngân hàng quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.

Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Ngân hàng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.277.200	2.998.548
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	12.217.020	9.877.201
Cho vay khách hàng – gộp	34.146.438	33.479.645
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – gộp	2.650.781	830.764
Các khoản lãi, phí phải thu	1.306.616	1.270.241
Các tài sản tài chính khác – gộp	114.910	95.826
Cộng	52.712.965	48.552.225
Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp	6.554	8.186
Bảo lãnh khác – gộp	215.877	141.002
Cộng	222.431	149.188

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Ngân hàng trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Ngân hàng đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho ngân hàng thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Ngân hàng.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán 30 tháng 6 năm 2020 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn				Cộng	
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm		Trên 5 năm
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	859.016	-	-	-	-	859.016
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	2.277.200	-	-	-	-	2.277.200
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	9.624.750	2.592.270	-	-	-	12.217.020
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	7.776	-	-	-	-	7.776
Cho vay khách hàng (*)	2.249.568	180.011	3.010.655	2.568.729	12.595.864	6.282.032	7.259.579	34.146.438
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	212.545	2.438.236	-	2.650.781
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	514.521	514.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	602.003	-	963	63.412	806.543	1.472.921
Các tài sản cố khác (*)	-	-	1.297.835	522.126	-	-	-	1.819.961
Tổng tài sản	2.249.568	180.011	17.679.235	5.683.125	12.809.372	8.783.680	8.580.643	55.965.634
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	9.749.673	2.968.752	124.010	51.796	8.543	12.902.774
Tiền gửi của khách hàng	-	-	7.493.518	7.332.602	18.668.963	3.099.780	943	36.595.806
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	100.000	1.100.000	-	-	1.200.000
Các khoản nợ khác	-	-	1.080.761	-	-	-	-	1.080.761
Tổng nợ phải trả	-	-	18.323.952	10.401.354	19.892.973	3.151.576	9.486	51.779.341
Chênh lệch thanh khoản ròng	2.249.568	180.011	(644.717)	(4.718.229)	(7.083.601)	5.632.104	8.571.157	4.186.293

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn				Cộng	
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm		Trên 5 năm
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	694.761	-	-	-	-	694.761
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	2.998.548	-	-	-	-	2.998.548
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	4.922.104	4.955.097	-	-	-	9.877.201
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	853	-	-	-	-	853
Cho vay khách hàng (*)	304.193	37.763	5.293.408	2.413.766	11.783.965	5.481.664	8.164.886	33.479.645
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	301.603	206.015	9.991	313.155	830.764
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	514.521	514.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	603.540	85	1.540	69.190	828.382	1.502.737
Các tài sản cố khác (*)	-	-	1.279.022	432.716	-	-	-	1.711.738
Tổng tài sản	304.193	37.763	15.792.236	8.103.267	11.991.520	5.560.845	9.820.944	51.610.768
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	4.848.587	7.123.093	231.339	69.376	8.542	12.280.937
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.396.855	6.981.825	15.336.905	2.455.859	813	33.172.257
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1.200.000	-	-	1.200.000
Các khoản nợ khác	-	-	892.642	-	-	-	-	892.642
Tổng nợ phải trả	-	-	14.138.084	14.104.918	16.768.244	2.525.235	9.355	47.545.836
Chênh lệch thanh khoản ròng	304.193	37.763	1.654.152	(6.001.651)	(4.776.724)	3.035.610	9.811.589	4.064.932

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

4. Rủi ro thị trường

Ngân hàng chịu các rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Ngân hàng gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Ngân hàng đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Ngân hàng đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản nợ - tài sản có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Ngân hàng có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	859.016	-	-	-	-	-	-	859.016
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	2.277.200	-	-	-	-	-	2.277.200
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	9.624.750	2.592.270	-	-	-	-	12.217.020
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	7.776	-	-	-	-	-	7.776
Cho vay khách hàng (*)	2.429.579	-	3.010.655	2.568.729	5.185.810	7.410.054	6.282.032	7.259.579	34.146.438
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	202.545	10.000	2.438.236	-	2.650.781
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	514.521	-	-	-	-	-	-	514.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.472.921	-	-	-	-	-	-	1.472.921
Các tài sản có khác (*)	-	1.819.961	-	-	-	-	-	-	1.819.961
Tổng tài sản	2.429.579	4.666.419	14.920.381	5.160.999	5.388.355	7.420.054	8.720.268	7.259.579	55.965.634
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	9.749.673	2.968.752	106.430	17.580	51.796	8.543	12.902.774
Tiền gửi của khách hàng	-	-	7.493.518	7.332.602	9.334.695	9.334.268	3.099.780	943	36.595.806
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	100.000	600.000	500.000	-	-	1.200.000
Các khoản nợ khác	-	1.080.761	-	-	-	-	-	-	1.080.761
Tổng nợ phải trả	-	1.080.761	17.243.191	10.401.354	10.041.125	9.851.848	3.151.576	9.486	51.779.341
Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng	2.429.579	3.585.658	(2.322.810)	(5.240.355)	(4.652.770)	(2.431.794)	5.568.692	7.250.093	4.186.293

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	694.761	-	-	-	-	-	-	694.761
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	2.998.548	-	-	-	-	-	2.998.548
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	4.922.104	4.955.097	-	-	-	-	9.877.201
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	853	-	-	-	-	-	853
Cho vay khách hàng (*)	341.956	-	5.293.408	2.413.766	4.247.841	7.536.124	5.481.664	8.164.886	33.479.645
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	301.603	-	206.015	9.991	313.155	830.764
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	514.521	-	-	-	-	-	-	514.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.502.737	-	-	-	-	-	-	1.502.737
Các tài sản có khác (*)	-	1.711.738	-	-	-	-	-	-	1.711.738
Tổng tài sản	341.956	4.423.757	13.214.913	7.670.466	4.247.841	7.742.139	5.491.655	8.478.041	51.610.768
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	4.848.587	7.123.093	218.652	12.687	69.376	8.542	12.280.937
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.396.855	6.981.825	8.008.470	7.328.435	2.455.859	813	33.172.257
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	800.000	400.000	-	-	1.200.000
Các khoản nợ khác	-	892.642	-	-	-	-	-	-	892.642
Tổng nợ phải trả	-	892.642	13.245.442	14.104.918	9.027.122	7.741.122	2.525.235	9.355	47.545.836
Mức chênh lệch cảm với lãi suất – nội bảng	341.956	3.531.115	(30.529)	(6.434.452)	(4.779.281)	1.017	2.966.420	8.468.686	4.064.932

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Ngân hàng trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, Ngân hàng còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	182.603	3.523	9.739	195.865
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	18.153	-	-	18.153
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	4.959.305	1.072	4.391	4.964.768
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(1.763.580)	-	-	(1.763.580)
Cho vay khách hàng (*)	70.387	-	-	70.387
Tổng tài sản	3.466.868	4.595	14.130	3.485.593
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.202.290	-	-	3.202.290
Tiền gửi của khách hàng	279.873	357	7.475	287.705
Các khoản nợ khác	1.339	-	-	1.339
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	3.483.502	357	7.475	3.491.334
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(16.634)	4.238	6.655	(5.741)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(16.634)	4.238	6.655	(5.741)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	111.380	2.505	1.103	114.988
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	16.970	-	-	16.970
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	3.821.064	4.699	5.673	3.831.436
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(648.900)	-	-	(648.900)
Cho vay khách hàng (*)	86.757	-	-	86.757
Tổng tài sản	3.387.271	7.204	6.776	3.401.251
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.106.391	-	-	3.106.391
Tiền gửi của khách hàng	240.950	364	18	241.332
Các khoản nợ khác	3.932	-	-	3.932
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	3.351.273	364	18	3.351.655
Trạng thái tiền tệ nội bảng	35.998	6.840	6.758	49.596
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	35.998	6.840	6.758	49.596

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ngân hàng đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các TCTD khác với giá trị 200.000 triệu VND (số đầu năm là 200.000 triệu VND) (xem thuyết minh số V.7).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

5.0.1
Y
U HẠN
U VẤN
CHÍNH

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	859.016	-	694.761	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.277.200	-	2.998.548	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	12.217.020	-	9.877.201	-
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7.776	-	853	-
Cho vay khách hàng	34.146.438	(374.563)	33.479.645	(295.988)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác	2.650.781	-	830.764	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	14.521	-	14.521	-
Các khoản lãi, phí phải thu	1.306.616	-	1.270.241	-
Các tài sản có khác	1.14.910	(4.125)	95.826	(4.125)
Cộng	53.594.278	(378.688)	49.262.360	(300.113)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi và vay các TCTD khác	12.902.774	12.280.937
Tiền gửi của khách hàng	36.595.806	33.172.257
Phát hành giấy tờ có giá	1.200.000	1.200.000
Các khoản lãi, phí phải trả	839.157	688.301
Các khoản nợ khác	195.172	190.515
Cộng	51.732.909	47.532.010

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán của các TCTD Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

X. BÁO CÁO BỘ PHẬN

1. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Ngân hàng như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
I. Thu nhập	202.610	147.049	333.774	285.283	2.101.454	2.059.320	(459.914)	(597.492)	2.177.924	1.894.160
1. Thu nhập lãi	200.820	145.060	327.155	280.068	1.916.899	1.992.597	(459.914)	(597.492)	1.984.960	1.820.233
<i>Thu nhập lãi khách hàng bên ngoài</i>	80.587	81.039	319.791	260.621	1.584.582	1.478.573	-	-	1.984.960	1.820.233
<i>Thu nhập lãi nội bộ</i>	120.233	64.021	7.364	19.447	332.317	514.024	(459.914)	(597.492)	-	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.198	1.065	4.633	3.337	19.632	14.355	-	-	25.463	18.757
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	592	924	1.986	1.878	164.923	52.368	-	-	167.501	55.170
II. Chi phí	182.714	133.223	280.632	232.749	2.041.993	1.959.706	(459.914)	(597.492)	2.045.425	1.728.186
1. Chi phí lãi	156.040	107.893	207.939	166.094	1.534.472	1.565.383	(459.914)	(597.492)	1.438.537	1.241.878
<i>Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài</i>	149.624	101.754	193.521	153.028	1.095.392	987.096	-	-	1.438.537	1.241.878
<i>Chi phí lãi từ nội bộ</i>	6.416	6.139	14.418	13.066	439.080	578.287	(459.914)	(597.492)	-	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	503	485	3.974	3.619	29.277	28.588	-	-	33.754	32.692
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	26.171	24.845	68.719	63.036	478.244	365.735	-	-	573.134	453.616
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	19.896	13.826	53.142	52.534	59.461	99.614	-	-	132.499	165.974
Chi phí dự phòng rủi ro	445	(504)	989	4.145	77.566	20.838	-	-	79.000	24.479
Kết quả kinh doanh bộ phận	19.451	14.330	52.153	48.389	(18.105)	78.776	-	-	53.499	141.495

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Ngân hàng như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tài sản	1.484.197	1.438.442	5.875.394	6.064.997	48.227.355	43.807.216	-	-	55.586.946	51.310.655
1. Tiền mặt	138.285	47.073	141.779	108.503	578.952	539.185	-	-	859.016	694.761
2. Tài sản cố định	4.118	4.379	260.349	263.862	1.208.454	1.234.496	-	-	1.472.921	1.502.737
3. Tài sản khác	1.341.794	1.386.990	5.473.266	5.692.632	46.439.949	42.033.535	-	-	53.255.009	49.113.157
II. Nợ phải trả	4.296.840	3.568.019	5.665.196	5.025.871	41.817.305	38.951.946	-	-	51.779.341	47.545.836
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	4.295.855	3.567.048	5.663.066	5.023.769	41.578.816	38.750.678	-	-	51.537.737	47.341.495
2. Nợ phải trả khác	985	971	2.130	2.102	238.489	201.268	-	-	241.604	204.341

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Ngân hàng chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực tài chính ngân hàng.

XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	50.585	50.078
Trong vòng 2 đến 5 năm	155.694	155.808
Trên 5 năm	72.085	77.198
Cộng	278.364	283.084

XII. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Rạch Giá, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập

Thị Duyên
Người lập

Người kiểm soát

Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

